TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 186/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 9 – 2018
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 737/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2018 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 597/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Ánh T; cư trú tại ấp B, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nhan Quốc K; cư trú tại ấp Bu, xã L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Lâm Ánh T và anh Nhan Quốc K chung sống với nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức cưới gả theo phong tục. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2015, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cự cải với nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ 02 năm nay. Nay chị T xin ly hôn, anh K cũng đồng ý.

Về con chung là Nhan Quốc Vĩnh, sinh ngày 10/10/1994; Nhan Thảo Vy, sinh ngày 16/9/2001 và Nhan Anh Thư, sinh ngày 06/3/2008. Hiện cháu Vĩnh đã thành niên nên khi ly hôn, chị T cùng anh K không đặt ra yêu cầu nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Thảo Vy và cháu Anh Thư, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cho chị T nuôi, anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng, hai cháu là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với cháu Thảo Vy, cháu Anh Thư cũng có nguyện vọng được chung sống với chị T.

Về tài sản chung, chị Lâm Ánh T và anh Nhan Quốc K khai có nhưng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị Lâm Ánh T và anh Nhan Quốc K khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, chị Lâm Ánh T và anh Nhan Quốc K chung sống với nhau từ năm 1991 cho đến nay, tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Nay anh K, chị T đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt. Xét mâu thuẫn thực tế được anh, chị trình bày là có thật. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung là Nhan Quốc Vĩnh, sinh ngày 10/10/1994; Nhan Thảo Vy, sinh ngày 16/9/2001 và Nhan Anh Thư, sinh ngày 06/3/2008. Hiện cháu Vĩnh đã thành niên nên khi ly hôn, chị T cùng anh K không đặt ra yêu cầu nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Thảo Vy và cháu Anh Thư, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cho chị T nuôi, anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000đ, hai cháu là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con giữa anh K, chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Thảo Vy, cháu Anh Thư nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, chị Lâm Ánh T và anh Nhan Quốc K khai có nhưng anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung, chị Lâm Ánh T và anh Nhan Quốc K khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng, anh K phải chịu theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Lâm Ánh T và anh Nhan Quốc K.

- Về con chung là Nhan Quốc Vĩnh, sinh ngày 10/10/1994; Nhan Thảo Vy, sinh ngày 16/9/2001 và Nhan Anh Thư, sinh ngày 06/3/2008. Hiện cháu Vĩnh đã thành niên nên khi ly hôn, chị T cùng anh K không đặt ra yêu cầu nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Thảo Vy và cháu Anh Thư, tiếp tục giao cho chị T nuôi, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng, hai cháu là 3.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh K có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, anh K không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung, chị Lâm Ánh T và anh Nhan Quốc K khai có nhưng anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, chị Lâm Ánh T và anh Nhan Quốc K khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm.

- Về hôn nhân gia đình, chị Lâm Ánh T phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ngày 17/8/2018, chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001214 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

- Về cấp dưỡng nuôi con, anh Nhan Quốc K phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng, chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.